

Số: 1191/2025/QĐST - HNGĐ

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 11 năm 2025

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 921/2025/TLHNGĐ - ST ngày 23/10/2025, giữa:

Nguyên đơn: Bà Trà Thị S1, sinh ngày 26/05/1971

Căn cước công dân số 079171023626

Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM

(Nay là phường Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh)

Bị đơn: Ông Thái Văn S2, sinh ngày 02/03/1965

Căn cước công dân số 079065020522

Địa chỉ: quận Gò Vấp, TPHCM

(Nay là phường Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh)

Căn cứ vào các Điều 39, 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự dân sự;

Căn cứ vào các Điều 56, 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào các Điều 6, 7, 9 và 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014);

Căn cứ Luật phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2025;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 10 năm 2025 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về hôn nhân: Bà Trà Thị S1 và ông Thái Văn S2 chung sống có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 104, quyển số 01/2001 do Ủy ban nhân dân phường I, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24/07/2001.

2/ Về con chung: Có hai con chung tên Thái Văn T, sinh ngày 20/01/1991 và Thái Anh H, sinh ngày 30/03/2004; Cả hai đều đã trưởng thành.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa án giải quyết. Nợ chung không có.

3/ Về án phí: Án phí hôn nhân sơ thẩm 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) bà Trà Thị S1 tự nguyện chịu. Cấn trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) là tiền tạm ứng án phí bà Trà Thị S1 đã nộp theo biên lai thu số 0029931 ngày 23/10/2025 của Cơ quan thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh; Hoàn lại cho bà Trà Thị S1 số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng). Bà Trà Thị S1 tự nguyện không nhận án phí hoàn lại nên sung vào công quỹ số tiền này.

4/ Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự (sửa đổi bổ sung năm 2014).

5/ Quyết định này có hiệu lực ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TPHCM;
- THADS TPHCM;
- VKSND KV7;
- Nơi cấp GCNKH;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Lê Tứ Nhị